TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/DSPT

Ngày 09 - 02 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Phượng.

Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 01 năm 2018 và ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2017/TLPT- DS ngày 21/11/2017, về "Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DSST ngày 02/10/2017 của Toà án nhân dân huyện CưM'gar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 239/QĐPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp B; địa chỉ: M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn S – Chức vụ: Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp BV.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh L – Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp BV (Theo giấy ủy quyền số 23/GUQ- CT ngày 28 tháng 11 năm 2017). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Xuân L1; địa chỉ: Thôn X, xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn theo yêu cầu của bị đơn:*

1. Luật sư Lê Xuân Anh P – Chi nhánh Công ty luật TNHHMTV TK , Đoàn luật sư Đắk Lắk. Có mặt.

2. Luật sư Đồng Hữu P1- Văn phòng luật sư ĐHP, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Luật sư Ngô Anh T - Văn phòng luật sư NAT, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Luật sư Phạm Công U – Công ty luật TNHHMTV PN, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

5. Luật sư Võ Thị Tuệ M - Công ty luật TNHHMTV PN, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị L2; địa chỉ: Thôn X, xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Phan Xuân L1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh L trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp BV (gọi tắt Công ty B) có ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê với hộ ông Phan Xuân L1. Theo hợp đồng giao khoán thì Công ty B đầu tư 100% vốn trong 4 năm đầu (01 năm trồng mới và 03 năm chăm sóc). Từ năm thứ 5 trở đi hộ gia đình tự đầu tư và giao nộp sản lượng hàng năm cho công ty BV theo như đã cam kết theo hợp đồng giao khoán vườn cây mà hai bên đã ký kết.

Công ty BV nhiều lần cử cán bộ đến tận gia đình ông Phan Xuân L1 để thu nợ hàng năm nhưng gia đình ông L1 vẫn chay ì không chịu trả nợ cho công ty.

Công ty làm đơn khởi kiện buộc ông Phan Xuân L1 phải trả cho công ty số nợ (tính đến ngày 30/11/2016) 9.494,9kg cà phê quả tươi, tiền nợ đầu tư số tiền là 45.614.820 đồng (gốc là 13.992.000đ và lãi 31.622.820đ) và trả lại vườn cây cho công ty để công ty giao lại cho gia đình khác nhận khoán.

Bị đơn ông Phan Xuân L1trình bày:

Vườn cây là do vợ chồng chúng tôi khai hoang từ năm 2005 tại thôn Y xã EK, huyện C. Năm 2006 Công ty BV cho người vào nhận là đất của công ty và bắt tôi trồng xoan. Năm 2012 Công ty BV ép tôi ký vào một hợp đồng giao khoán mà công ty đã soạn sẵn và một số nợ của người chủ cũ. Vì sợ bị nhổ bỏ vườn cây nên tôi buộc phải ký. Vườn cây tôi hoàn toàn tự đầu tư và chăm sóc không liên quan đến tài sản của công ty, đây là miếng đất hoang, tôi chỉ chấp

nhận nộp thuế đất của nhà nước, yêu cầu tòa án triệu tập chủ cũ như bên phía công ty nói, không đồng ý kết quả thẩm định vườn cây và tài sản trên đất vì diện tích thực tế đất của tôi là 8626,8m^2, đề nghị hủy bỏ hợp đồng giao khoán năm 2012 mà tôi đã ký với công ty. Tôi không chấp nhận số nợ và số tiền vay của công ty.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L2trình bày:

Tôi đồng ý với ý kiến của chồng tôi ông Phan Xuân L1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2017/DSST ngày 02/10/2017 của Toà án nhân dân huyện CưM'gar đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 501, Điều 506, Điều 510, Điều 511 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 24, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp BV.

- Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp BV với ông Phan Xuân L1 lập ngày 05/4/2012.

- Buộc ông Phan Xuân L1 phải trả lại cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV diện tích 0,6h và các loại cây trồng trên đất tại thửa đất số 86 cụm sản xuất số II(C2 + 12) thuộc thôn Y, xã EK, huyện C. Có tứ cận thửa đất như sau:

+ Phía Bắc giáp đất ông Phan Xuân L1 cạnh dài 96.47 m

+ Phía Nam giáp đất của ông Lê Quốc H cạnh dài 25.2 m + 11.24m và giáp với hội trường thôn Y cũ cạnh dài 39.71m +11.05m + 3.29m.

+ Phía Đông giáp đường thôn Y cạnh dài 50.15 m.

+ Phía Tây giáp đất của ông Lê Quốc H cạnh dài 77.61m.

- Buộc ông Phan Xuân L1 phải trả nợ đầu tư cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV số tiền 45.614.820đ (trong đó 13.992.000đ tiền gốc và 31.622.820đ tiền lãi) tạm tính đến ngày 30/11/2016. Ông Phan Xuân L1 phải tiếp tục trả lãi suất theo hợp đồng nhận vốn đầu tư thâm canh cà phê giữa Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV với ông Lê Xuân T1 ngày 25/12/1999 trên số tiền gốc 13.992.000đ, tính từ ngày 01/12/2016.

- Buộc ông Phan Xuân L1 phải trả số nợ sản lượng 9.494,9kg cà phê quả tươi cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV.

- Buộc Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV có trách nhiệm trả cho ông Phan Xuân L1 và bà Võ Thị L2 số tiền 203.801.000đ giá trị cây trồng trên đất.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

Chi phí thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV được chấp nhận nên ông Phan Xuân L1 phải chịu

trả toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản với số tiền 8.000.000đ cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệpBV.

Về án phí:

Ông Phan Xuân L1 và bà Võ Thị L2 phải chịu 24.083.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV phải chịu 10.190.000đ án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền 5.289.000đ đã nộp theo biên lại số AA/2014/0042380 ngày 28 tháng 11 năm 2016. Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV còn phải tiếp tục nộp 4.901.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. (Do ông Phan Quốc T2 nộp thay).

Ngày 03/10/2017, bị đơn ông Phan Xuân L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2017/DSST ngày 02/10/2017 của Toà án nhân dân huyện CưM’gar đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Phan Xuân L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp BV giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn:

- Luật sư Lê Xuân Anh P: Qua phân tích luật sư cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng. Nội dung giải quyết vụ án thiếu khách quan. Do vậy đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm về phần công nợ, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với hợp đồng thuê khoán tài sản.

- Luật sư Võ Thị Tuệ M: Luật sư cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người tham gia tố tụng (Ông T1). Nội dung giải quyết vụ án không khách quan.

- Luật sư Phạm Công U: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng bỏ sót người tham gia tố tụng, xét xử vắng mặt luật sư là không đúng. Do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của ông L1 bà L2 hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Xuân L1,người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L2 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 39/2017/DSST ngày 02/10/2017 của Toà án nhân dân huyện CưM’gar.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, của luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư Ngô Anh T và luật sư Đồng Hữu P1 vắng mặt, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các luật sư này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả lại vườn cây của nguyên đơn:

Năm 1997 ông Lê Xuân T1 có nhận hợp đồng giao khoán cà phê quốc doanh với Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV diện tích 0,65ha trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Xuân T1 đã vi phạm hợp đồng nên Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV đã thu hồi vườn cây ông T1. Khi thu hồi vườn cây thì ông T1 còn nợ lại của công ty số tiền 13.992.000đ tiền gốc, nợ lãi 4.029.708đ và nợ sản lượng 6.180kg. Sau khi thu hồi vườn cây của ông T1 thì ông Phan Xuân L1 có nhu cầu nhận khoán vườn cây nên ngày 04/7/2006 giữa công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV với ông Phan Xuân L1 lập biên bản làm việc về việc "giao khoán vườn cây" đối với diện tích ông T để lại, đồng thời ông Phan Xuân L1 cũng đã nhận các khoản nợ cà phê quả tươi và tiền đầu tư cùng lãi suất mà ông Lê Xuân T1 để lại (Bút lục số 143). Tuy nhiên, thôn Y, xã EK có nhu cầu làm hội Trường thôn nên công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV để lại 0,25ha còn lại diện tích 0,4ha giao cho ông L1 canh tác nhưng quá trình xây dựng và nhu cầu của Hội trường thôn chỉ có 0,05ha nên hộ ông L1 sử dụng diện đất giao khoán là 0,6ha đã được thể hiện trong biên bản làm việc giữa Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV với hộ ông L1 vào ngày 30/11/2012 (Bút lục số 144). Ngày 02/4/2012 ông Phan Xuân L1 có đơn xin nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Quốc doanh của Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV tại cụm sản xuất số II (C2 + 12) tại thôn Y, xã EK với diện tích nhận khoán là 0,65ha (Bút lục số 05). Ngày 05/4/2012 giữa Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV với ông Phan Xuân L1 có ký kết hợp đồng giao khoán (Bút lục số 04), ông L1 cho rằng diện tích đất là do ông khai hoang và việc ký hợp đồng là do bị ép buộc và sợ bị phá vườn cây. Tuy nhiên, ông không đưa ra được các chứng cứ xác thực về việc bị ép hay hành vi phá vườn cây của Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV. Qua các biên bản đối chiếu công nợ (Bút lục 137-139) ông L1 vẫn tiến hành trả sản lượng hàng năm, điều này thể hiện sự thỏa thuận ký kết hợp đồng là sự tự nguyện và được diễn ra hàng năm qua việc nộp sản lượng. Quá trình thực hiện

hợp đồng Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV nhiều lần tiến hành giảm sản lượng, giảm công nợ để tạo điều kiện cho ông L1 đến ngày 25/12/2014 thực nghĩa vụ trả nợ nhưng ông L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các điều khoản của hợp đồng đã ký. Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty BV đồng ý trả cho hộ ông L1 toàn bộ giá trị cây trồng trên đất. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trả lại vườn cây trên diện tích đất của Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV đối với hộ ông Phan Xuân L1 trong diện tích 0,6ha; và buộc Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV phải trả lại toàn bộ giá trị cây trồng trên đất cho hộ ông L1 là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc hộ ông Phan Xuân L1 phải trả tiền nợ đầu tư là 45.614.820đ (trong đó 13.992.000đ tiền gốc và 31.622.820đ tiền lãi) tạm tính đến ngày 30/11/2016 và nợ sản lượng 9,494,9kg cà phê quả tươi. Hội đồng xét xử xét thấy năm 2006 ông Phan Xuân L1 đã tự nguyện ký kết vào biên bản làm việc giao khoán vườn cây (Bút lục số 143) với Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV về diện tích đất cũng như nhận trả tiền và trả sản lượng cà phê của ông Lê Xuân T. Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 30/11/2012 (Bút lục số 144) và ngày 02/12/2014 (Bút lục số 140) giữa công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV với ông Phan Xuân L1 thì ông L1 đã tự nguyện kế thừa nghĩa vụ các khoản nợ của ông T1 nhưng ông L1 vẫn không thực hiện như trong cam kết đã lập giữa hai bên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Phan Xuân L1 phải trả tiền nợ đầu tư và nợ sản lượng cà phê nêu trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc ông L1 phải thanh toán các khoản nợ cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV nhưng lại buộc ông Phan Xuân L1 và bà Võ Thị L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Mặt khác bản án sơ thẩm buộc phải chịu tiền án phí giá trị đất là không đúng nên cần chấp nhận kháng cáo của ông L1, bà L2 để sửa bản án sơ thẩm về phần án phí. Cụ thể: Buộc ông L1 phải chịu án phí DSST như sau: (45.614.820đ + 66.464.300đ) x 5% = 5.603.956 đồng.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông L1, bà L2. Không chấp nhận các ý kiến của các Luật sư.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Phan Xuân L1, bà Võ Thị L2 được chấp nhận một phần nên ông L1, bà L2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo củabị đơn ông Phan Xuân L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L2.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DSST ngày 02/10/2017 của Toà án nhân dân huyện CưM'gar về phần án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp BV

- Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp BV với ông Phan Xuân L1 lập ngày 05/4/2012.

- Buộc ông Phan Xuân L1 phải trả lại cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV diện tích 0,6ha và các loại cây trồng trên đất tại thửa đất số 86 cụm sản xuất số II(C2 + 12) thuộc thôn Y, xã EK, huyện C. Có tứ cận thửa đất như sau:

+ Phía Bắc giáp đất ông Phan Xuân L1 cạnh dài 96.47m

+ Phía Nam giáp đất của ông Lê Quốc H cạnh dài 25.2m + 11.24m và giáp với hội trường thôn Y cũ cạnh dài 39.71m +11.05m + 3.29m.

+ Phía Đông giáp đường thôn 14 cạnh dài 50.15m.

+ Phía Tây giáp đất của ông Lê Quốc H cạnh dài 77.61m.

- Buộc ông Phan Xuân L1 phải trả nợ đầu tư cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV số tiền 45.614.820đ (trong đó 13.992.000đ tiền gốc và 31.622.820đ tiền lãi) tạm tính đến ngày 30/11/2016. Ông Phan Xuân L1 phải tiếp tục trả lãi suất theo hợp đồng nhận vốn đầu tư thâm canh cà phê giữa ông Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV với ông Lê Xuân T1 ngày 25/12/1999 trên số tiền gốc 13.992.000đ, tính từ ngày 01/12/2016.

- Buộc ông Phan Xuân L1 phải trả số nợ sản lượng 9.494,9kg cà phê quả tươi cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV.

- Buộc Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV có trách nhiệm trả cho ông Phan Xuân L1 và bà Võ Thị L2 số tiền 203.801.000đ giá trị cây trồng trên đất.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2017/QĐ-BPKCTT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐắkLắk.

[3] Chi phí thẩm định và định giá tài sản:Do yêu cầu khởi kiện của công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV được chấp nhận nên ông Phan Xuân L1 phải chịu trả toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản với số tiền 8.000.000đ cho Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV.

[4] Về án phí DSST:

Ông Phan Xuân L1 phải chịu 5.603.956đ án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV phải chịu 10.190.000đ án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền 5.289.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2014/0042380 ngày 28 tháng 11 năm 2016 (do ông Phan Quốc T2 nộp thay). Công ty TNHHMTV lâm nghiệp BV còn phải tiếp tục nộp 4.901.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐắkLắk.

[5] Về án phí DSPT:

Ông Phan Xuân L1 và bà Võ Thị L2 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, mỗi người được nhận lại số tiền 300.000 đồng mà ông L1, bà L2 đã nộp tạm ứng án phí lần lượt tại biên lai số AA/2017/0001767 ngày 06/10/2017 và biên lai thu số AA/2017/0001797 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐắkLắk.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dần